

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN T  
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 560/2018/HNGĐ – ST  
Ngày: 12-6-2018  
V/v Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Ngọc Mỹ

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Thái Hoàn Xanh  
2. Bà Phạm Thị Nhung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T - Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1268/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị P, sinh năm 1960;

Địa chỉ: số 16/17/9, đường T, phường T, quận T, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn L( tên khác Lê Tấn L), sinh năm 1959;

Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 11 năm 2017 cùng các chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn bà Lê Thị P trình bày : Bà và ông Lê Văn L(tên khác Lê Tấn L) tự nguyện sống chung từ năm 1982, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 6, quyển số 01 ngày 18/01/1982 do UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q(nay là tỉnh Q) cấp.

Sau khi kết hôn, hai bên sống tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q sau đó đến năm 1993 tôi về quận T sống.

Thời gian đầu chung sống, chúng tôi rất hạnh phúc, sau đó từ cuối năm 1993 tình cảm vợ chồng rạn nứt nhưng vì gia đình và con cái nên kéo dài cuộc sống. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm, lối sống không còn phù hợp, vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã về cách nuôi dạy con, chi tiêu tiền bạc trong gia đình. Mâu thuẫn kéo dài không thể giải quyết nên chúng tôi đã sống ly thân từ đó đến nay. Thời gian ly thân đã lâu hai bên không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết được, đời sống chung không thể kéo dài nên tôi yêu cầu tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông L

Về quan hệ con chung : Có 02 con chung là Lê Tấn Đ, sinh ngày 28/01/1982 và Lê Tấn S, sinh ngày 06/03/1987. Các con đã trưởng thành và phát triển bình thường không yêu cầu tòa giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung bà xác nhận không có

Bị đơn ông Lê Văn L(tên khác Lê Tấn L) có đơn trình bày : Quá trình chung sống, kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như lời bà P trình bày. Ông cho rằng mâu thuẫn ly hôn là do bất đồng trong quan điểm, thường xuyên gây gỗ, tranh cãi với nhau trong chuyện nuôi con, tiền bạc... Ông đồng ý ly hôn vì nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, cả hai ly thân đã lâu và không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân.

Về quan hệ con chung : Có 02 con chung là Lê Tấn Đ, sinh ngày 28/01/1982 và Lê Tấn S, sinh ngày 06/03/1987. Các con đã lớn và phát triển bình thường không yêu cầu tòa giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung ông, bà xác nhận không có

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà P và ông L xin vắng mặt có yêu cầu bằng văn bản:

- Hai bên có văn bản xin được ly hôn nên đề nghị Tòa chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về con chung : Có 02 con chung là Lê Tấn Đ, sinh ngày 28/01/1982 và Lê Tấn S, sinh ngày 06/03/1987. Các con đã lớn và phát triển bình thường không yêu cầu tòa giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Đại diện VKSND quận T tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Đại diện VKS nhân dân quận T nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc tuân theo pháp luật: Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật tố tụng quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 69, khoản 2 Điều 97, Điều 171, Điều 173, Điều 203 và Điều 220, Điều 227, Điều 248, Điều 260 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

+ Về nội dung:

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 70 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về vấn đề Ly hôn thì P và ông L đều xin được ly hôn nên đề nghị Tòa chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về con chung : Có 02 con chung là Lê Tấn Đ, sinh ngày 28/01/1982 và Lê Tấn S, sinh ngày 06/03/1987. Các con đã lớn và phát triển bình thường không yêu cầu tòa giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*1. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Căn cứ đơn khởi kiện của bà Lê Thị P, Hội đồng xét xử xác định vụ án trên là tranh chấp về ly hôn. Do nguyên đơn hiện đang cư trú tại số 16/17/9, đường T phường T, quận T, Thành phố H, bị đơn ông Lê Văn L (tên khác Lê Tấn L) có đơn thỏa thuận yêu cầu Tòa án nhân dân quận T xét xử và cả hai ông bà cùng yêu cầu Tòa án nhân dân quận T xét xử do đó Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại các khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Về thủ tục tố tụng :* Nguyên đơn và bị đơn đều được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ, các bên đã được Tòa mở phiên họp và hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn

làm đơn xin vắng mặt hòa giải, xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 227 theo Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

### *2. Về yêu cầu của nguyên đơn:*

Xét yêu cầu bà Lê Thị P xin được ly hôn với ông Lê Văn L (tên khác Lê Tấn L).

Bà Lê Thị P và ông Lê Văn L (tên khác Lê Tấn L) tự nguyện sống chung từ năm 1982, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 6, quyển số 01 ngày 18/01/1982 do UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q(nay là tỉnh Q) do đó hôn nhân của ông L và bà P là hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Tuy nhiên đầu năm 1993 hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn tình cảm vợ chồng rạn nứt nhưng vì gia đình và con cái nên kéo dài cuộc sống. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm, lối sống không còn phù hợp, vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã về cách nuôi dạy con, chi tiêu tiền bạc trong gia đình. Mâu thuẫn kéo dài không thể giải quyết nên cả hai đã sống ly thân từ đó đến nay. Thời gian ly thân đã lâu hai bên không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. ông Lê Văn L có đơn yêu cầu được ly hôn và xin hòa giải xét xử vắng mặt (có chính quyền địa phương xác nhận). Xét nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

-Về tài sản chung và nợ chung ông L và bà P xác nhận không có, không yêu cầu tòa giải quyết. Do đó không xem xét.

Về quan hệ con chung : Có 02 con chung là Lê Tấn Đ, sinh ngày 28/01/1982 và Lê Tấn S, sinh ngày 06/03/1987. Các con đã lớn và phát triển bình thường không yêu cầu tòa giải quyết. Nên không xem xét

### *3. Về án phí:*

Bà Lê Thị P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 70 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;  
- Căn cứ Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

## **1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị P được ly hôn với ông Lê Văn L (tên khác Lê Tấn L).

Quan hệ hôn nhân của ông Lê Văn L (tên khác Lê Tấn L) và bà Lê Thị P chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu L pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 6, quyển số 01 ngày 18/01/1982 do UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q (nay là tỉnh Q) không còn giá trị kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu L pháp luật).

- Về tài sản chung và nợ chung ông L và bà P xác nhận không có.

- Về con chung : Có 02 con chung là Lê Tấn Đ, sinh ngày 28/01/1982 và Lê Tấn S, sinh ngày 06/03/1987. Các con đã lớn và phát triển bình thường không yêu cầu tòa giải quyết.

## **2. Án phí dân sự sơ thẩm:**

- Bà Lê Thị P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010400 ngày 22/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Bà P đã nộp đủ.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

## **3. Quyền kháng cáo:**

Bà Lê Thị P và ông Lê Văn L (tên khác Lê Tấn L) được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND Tp. H;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- UBND xã Đ, Đ, Q.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Ngọc Mỹ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**